

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2016

MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Doãn Văn Quang	Chủ tịch
Ông Daisuke Komoto	Ủy viên
Ông Shinijo Suga	Ủy viên
Ông Trần Văn Thiệu	Ủy viên
Ông Doãn Trường Giang	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Doãn Văn Quang	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Doãn Văn Quang

Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 10 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	30/09/2016	01/01/2016
Tài sản			
A- tài sản ngắn hạn	100	64.993.313.689	28.301.672.036
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	53.451.185.600	16.899.209.558
1. Tiền	111	1.787.805.946	892.392.562
2. Các khoản tương đương tiền	112	51.663.379.654	16.006.816.996
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	9.220.460.572	9.220.460.572
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9.220.460.572	9.220.460.572
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	1.522.384.688	1.369.020.903
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	165.474.240	72.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	352.165.000	140.072.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	963.688.797	1.115.891.752
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	138	41.056.651	41.056.651
IV. Hàng tồn kho	140	697.761.620	720.764.566
1. Hàng tồn kho	141	697.761.620	720.764.566
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	101.521.209	92.216.437
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	101.521.209	92.216.437
B. Tài sản dài hạn	200	89.675.755.408	86.611.174.777
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	58.543.881.593	58.636.750.843
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	58.543.881.593	58.636.750.843
II. Tài sản cố định	220	4.112.734.400	3.153.967.228
1. Tài sản cố định hữu hình	221	3.692.734.400	2.733.967.228
- Nguyên giá	222	20.757.504.498	19.222.554.344
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(17.064.770.098)	(16.488.587.116)
2. Tài sản cố định vô hình	227	420.000.000	420.000.000
- Nguyên giá	228	725.000.000	725.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229	(305.000.000)	(305.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	0	243.575.132
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		243.575.132
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	19.800.000.000	19.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	19.800.000.000	19.800.000.000

Chỉ tiêu	Mã số	30/09/2016	01/01/2016
VI. Tài sản dài hạn khác	260	7.219.139.415	4.776.881.574
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7.219.139.415	4.776.881.574
<u>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</u>	270	154.669.069.097	114.912.846.813
C- Nợ phải trả	300	49.120.133.679	29.488.484.624
I. Nợ ngắn hạn	310	30.820.721.854	9.296.242.624
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20.185.853.851	93.140.098
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	6.714.949.178	5.426.729.194
4. Phải trả người lao động	314	1.269.482.659	1.865.771.100
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3.988.570	1.052.588.570
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	2.790.809.716	1.251.425.782
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	(144.362.120)	(393.412.120)
II. Nợ dài hạn	330	18.299.411.825	20.192.242.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	18.299.411.825	18.604.628.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		1.587.614.000
D- Vốn chủ sở hữu	400	105.548.935.418	85.424.362.189
I. Vốn chủ sở hữu	410	105.548.935.418	85.424.362.189
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19.537.064.160	19.537.064.160
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	33.475.109.562	20.507.770.716
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22.536.761.696	15.379.527.313
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		15.379.527.313
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	22.536.761.696	
<u>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</u>	440	154.669.069.097	114.912.846.813

Đào Thị Xuyên
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Quang
Tổng giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho 9 tháng năm 2016

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng năm 2016	9 tháng năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		208.302.875.619	176.947.890.374
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.182.393.703	2.327.273
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		206.120.481.916	176.945.563.101
4. Giá vốn hàng bán	11		154.350.699.662	137.548.231.908
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.769.782.254	39.397.331.193
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.451.806.163	2.727.804.194
7. Chi phí tài chính	22		2.012.000	2.064.000
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.012.000	2.064.000
8. Chi phí bán hàng	25		19.681.753.325	18.556.125.742
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.137.500.960	6.503.087.111
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.400.322.132	17.063.858.534
11. Thu nhập khác	31		1.195.641.521	1.291.881.424
12. Chi phí khác	32		175.850.000	11.725.571
13. Lợi nhuận khác	40		1.019.791.521	1.280.155.853
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.420.113.653	18.344.014.387
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.634.190.424	3.472.512.173
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		23.785.923.229	14.871.502.214
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61			
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu

Đào Thị Huyền

Kế toán trưởng

Đào Thị Huyền

Lập ngày 25 tháng 10 năm 2016



Tổng giám đốc

Doãn Văn Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 9 tháng năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	18.344.014.387	29.420.113.653
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	634.133.544	622.492.506
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.800.900.838)	(1.472.506.163)
Chi phí lãi vay	06	2.064.000	2.012.000
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	16.179.311.093	28.572.111.996
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(211.245.555)	(60.494.535)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(70.648.559)	23.002.946
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	21.278.605.904	19.653.838.027
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	590.931.679	(2.451.562.613)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.064.000)	(2.012.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(667.542.354)	(4.337.815.396)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(257.300.000)	(392.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.840.048.208	41.004.768.425
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(2.153.582.363)	(1.337.684.546)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	73.096.644	20.700.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.727.804.194	1.451.806.163
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	647.318.475	134.821.617
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.000.000)	(1.587.614.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.500.000.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.520.000.000)	(4.587.614.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	32.967.366.683	36.551.976.042
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.981.755.723	16.899.209.558
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	37.949.122.406	53.451.185.600


Đào Thị Xuyên
Người lập biểu


Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Quang
Tổng giám đốc



CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700433939 cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 09 tháng 07 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 3.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần với cơ cấu vốn góp như sau:

Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ góp vốn	Số tiền đã góp đến 30/9/2016
Ông Doãn Trường Giang	418.209	13,94%	4.182.090.000
Bà Phạm Thị Hương	600.000	20,00%	6.000.000.000
Aseed Holding Co.,Ltd	600.000	20,00%	6.000.000.000
Ông Đoàn Đức Cẩn	450.000	15,00%	4.500.000.000
Hirishima Lenture Capital.,Ltd	340.000	11,33%	3.400.000.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Việt	50.000	1,67%	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ngân Hà	50.000	1,67%	500.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Duyên	4.750	0,16%	47.500.000
Vũ Trọng Giáp	123.346	4,11%	1.233.460.000
Các cổ đông khác	363.695	12,12%	3.636.950.000
Cộng	3.000.000	100%	30.000.000.000

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định của Công ty là phần mềm kế toán, và quyền sử dụng đất không thời hạn. Giá trị phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các loại chai, keng đựng bia, công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/9/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	589.452.743	163.487.587
Tiền gửi ngân hàng	1.198.353.203	728.904.975
Các khoản tương đương tiền (i)	51.663.379.654	16.006.816.996
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh QN</i>		9.543.437.342
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - chi nhánh QN</i>		4.800.000.000
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - chi nhánh Quảng Ninh</i>		1.663.379.654
<i>Ngân hàng TMCP Đầu Tư - Chi nhánh Quảng Ninh</i>	663.379.654	
<i>Ngân hàng TMCP Đầu Tư - Chi nhánh Hạ Long</i>	51.000.000.000	
Cộng	53.451.185.600	16.899.209.558

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONGSố 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 30 tháng 09 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 2 tháng đến 3 tháng gửi tại các ngân hàng, với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,2% năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/9/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh Quảng Ninh	9.220.460.572	9.220.460.572

- (i) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh, lãi suất 6,6%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	173.414.000	630.596.000
Phải thu khác	790.274.797	485.295.752
Cộng	963.688.797	1.115.891.752
b. Dài hạn		
Công ty CP Bia và NGK Đông Mai	58.543.881.593	58.636.750.843
Cộng	58.636.750.843	58.636.750.843

- (i) Là khoản phải thu tiền bán tài sản cố định dùng để sản xuất bia.

4. Hàng tồn kho

	30/9/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nguyên liệu, vật liệu	517.941.515	517.941.515	578.962.885	578.962.885
Công cụ, dụng cụ	162.968.477	162.968.477	70.698.559	70.698.559
Hàng hoá	16.851.628	16.851.628	71.103.122	71.103.122
Cộng	697.761.620	697.761.620	720.764.566	720.764.566

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 30 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. Chi phí trả trước**

	30/9/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Phí bảo hiểm, giao thông	101.521.209	92.216.437
Cộng	101.521.209	92.216.437
b) Dài hạn		
Các loại chai, keg, kết đọng bia	7.219.139.415	4.776.881.574
Cộng	7.219.139.415	4.776.881.574



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

6. Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2016	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
	774.501.122	2.607.896.403	15.504.302.861	335.853.958	19.222.554.344
Mua trong năm	-	369.725.132	1.211.534.546		1.581.259.678
Thanh lý, nhượng bán Tại ngày 30/09/2016		(46.309.524)		-	(46.309.524)
	774.501.122	2.931.312.011	16.715.837.407	335.853.958	20.757.504.498
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	328.601.845	2.607.896.403	13.455.676.077	96.412.791	16.488.587.116
Khấu hao trong năm	18.210.834	23.623.224	539.530.520	41.127.928	622.492.506
Thanh lý, nhượng bán		(46.309.524)		-	(46.309.524)
Tại ngày 30/09/2016	346.812.679	2.585.210.103	13.995.206.597	137.540.719	17.064.770.098
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	445.899.277	-	2.048.626.784	239.441.167	2.733.967.228
Tại ngày 30/09/2016	427.688.443	346.101.908	2.720.630.810	198.313.239	3.692.734.400

36

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	420.000.000	305.000.000	725.000.000
Tại ngày 30/09/2016	<u>420.000.000</u>	<u>305.000.000</u>	<u>725.000.000</u>
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	-	305.000.000	305.000.000
Tại ngày 30/09/2016	<u>-</u>	<u>305.000.000</u>	<u>305.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	<u>420.000.000</u>	-	<u>420.000.000</u>
Tại ngày 30/09/2016	<u>420.000.000</u>	-	<u>420.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

8. Đầu tư vào Công ty con

	30/9/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai (*)	19.800.000.000	-	-	19.800.000.000
Cộng	19.800.000.000	-	-	19.800.000.000

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày và được xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên do công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa thể xác định được để trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC.

Chi tiết đầu tư vào Công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai	Quảng Ninh	99,00%	Sản xuất Bia và Nước giải khát

3

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONGSố 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/9/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/1/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	979.705.878	3.937.013.373	3.885.797.070	928.489.575
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.634.190.424	5.634.190.424	4.337.815.396	4.337.815.396
Thuế thu nhập cá nhân	101.052.877	101.052.877	160.424.223	160.424.223
Cộng	6.714.949.179	9.672.256.674	8.384.036.689	5.426.729.194

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/9/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước lãi vay phải trả cán bộ, công nhân viên	3.988.570	3.988.570
Chi phí thưởng cho các đại lý		1.048.600.000
Cộng	3.988.570	1.052.588.570

11. Các khoản phải trả khác

	30/9/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	39.123.845	20.133.955
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả khác	2.751.685.871	1.231.291.827
Cộng	2.790.809.716	1.251.425.782

h

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***b) Dài hạn**

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)

18.299.411.825

18.604.628.000

Cộng**18.299.411.825****18.604.628.000**

(i) Các khoản nhận ký quỹ của các đại lý bán bia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/9/2016		Thay đổi		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân			96.500.000	1.684.114.000	1.587.614.000	1.587.614.000
Cộng			96.500.000	1.684.114.000	1.587.614.000	1.587.614.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	30.000.000.000	19.537.064.160	-	20.110.037.933	2.337.864.638	71.984.966.731
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	17.939.395.458	17.939.395.458
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	397.732.783	(397.732.783)	-
Trả cổ tức	-	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	30.000.000.000	19.537.064.160	-	20.507.770.716	15.379.527.313	85.424.362.189
Số dư tại ngày 31/12/2015	30.000.000.000	19.537.064.160	-	20.507.770.716	15.379.527.313	85.424.362.189
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	22.536.761.696	22.536.761.696
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	12.967.338.846	(12.967.338.846)	-
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(1.750.838.467)	(1.750.838.467)
Trích quỹ phúc lợi	-	-	-	-	(661.350.000)	(661.350.000)
Số dư tại ngày 30/9/2016	30.000.000.000	19.537.064.160	-	33.475.109.562	22.536.761.696	105.548.935.418

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016.

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Cổ phiếu**

	30/9/2016	01/01/2016
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán bia	171.340.058.920	151.302.876.062
- Doanh thu vận chuyển	36.962.816.699	25.645.014.312
Cộng	208.302.875.619	176.947.890.374
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu hàng bán	2.182.393.703	2.327.273
Cộng	2.182.393.703	2.327.273
		-
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	206.120.481.916	176.945.563.101

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn bán bia	154.350.699.662	138.548.231.908
Cộng	154.350.699.662	138.548.231.908

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	202.644.630	776.975.918
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.249.161.533	2.559.868.145
Cộng	1.451.806.163	3.336.844.063

18

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG
Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.795.460.324	3.050.965.850
Chi phí nhân công	7.708.049.737	8.629.534.587
Các khoản chi phí khác	7.178.243.264	6.875.625.305
Cộng	19.681.753.325	18.556.125.742
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân công	2.429.674.666	3.658.430.078
Các khoản chi phí khác	2.707.826.294	2.844.657.033
Cộng	5.137.500.960	6.503.087.111

5. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.634.190.424	4.337.815.396
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.634.190.424	4.337.815.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

- Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/9/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.451.185.600	16.899.209.558
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.543.881.593	59.824.642.595
Cộng	121.215.527.765	85.944.312.725
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính		1.587.614.000
Phải trả người bán và phải trả khác	41.276.075.392	19.949.193.880
Chi phí phải trả	3.988.570	1.052.588.570
Cộng	41.280.063.962	22.589.396.450

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối).

Phải thu của khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và có nhân viên kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại nhiều ngân hàng. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/9/2016			
Tiền	1.787.805.946	-	1.787.805.946
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.129.163.037	58.543.881.593	59.673.044.630
Cộng	2.916.968.983	58.543.881.593	61.460.850.576
Tại 30/9/2016			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	22.976.663.567	18.299.411.825	41.276.075.392
Chi phí phải trả	3.988.570	-	3.988.570
Cộng	22.980.652.137	18.299.411.825	41.280.063.962
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.153.707.868)	40.244.469.768	29.090.761.900
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền	892.392.562	-	892.392.562
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.187.891.752	58.636.750.843	59.824.642.595
Cộng	2.080.284.314	58.636.750.843	60.717.035.157
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.344.565.880	19.327.311.000	20.671.876.880
Chi phí phải trả	1.052.588.570	-	1.052.588.570
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	1.587.614.000	1.587.614.000
Cộng	2.397.154.450	20.914.925.000	23.312.079.450
Chênh lệch thanh khoản thuần	(316.870.136)	37.721.825.843	37.404.955.707

CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,

Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan như sau:

Bên liên quan

Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai

Mối quan hệ

Công ty con

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	154.296.448.168	137.582.606.449
Cộng	154.296.448.168	137.582.606.449
Mua điện		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	359.375.708	387.786.433
Cộng	359.375.708	387.786.433
Cổ tức nhận được trong năm		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	1.249.161.533	2.559.868.145
Cộng	1.249.161.533	2.559.868.145

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	30/9/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khác		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	58.543.881.593	58.636.750.843
Cộng	58.543.881.593	58.636.750.843

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.



Đào Thị Xuyên
Người lập biểu



Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng




Doãn Văn Quang
Tổng Giám đốc